ĐẠI HỌC TRÀ VINH
HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ

ĐGMH_BM 1a

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần Kỹ thuật sản xuất giống cá (350024)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSB

CBGD: Huỳnh Kim Hường (12724)

Hình thức đánh giá: Vấn đáp + Thực

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

4/7/2026

Phòng thi: T.H.T.S.04

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đối tượng SV	Ghi chú
1	110323037	Nguyễn Ngọc	Nhi	20/08/2005	Nữ	9,6	8,4	9,0				
2	110323039	Cao Huỳnh	Như	01/04/2005	Nữ	9,6	8,8	9,2				
3	110323043	Bùi Phi	Phàm	22/02/2005	Nam	8,7	8,5	8,6				
4	110323044	Đặng Văn	Phải	19/06/2005	Nam	9,6	9,0	9,3				1, 785, 000
5	110323045	Trần Hữu	Phước	01/11/2004	Nam	8,7	7,5	8,1				
6	110323047	Nguyễn Văn	Quy	08/04/2005	Nam	8,2	8,0	8,1				
7	110323048	Sơn Thị Mỹ	Quyên	03/10/2005	Nữ	8,3	8,4	8,4				
8	110323051	Nguyễn Văn	Thắng	09/08/2005	Nam	9,3	8,4	8,9				
9	110323052	Lê Thị Thu	Thảo	11/03/2005	Nữ	9,5	9,9	9,7				
10	110323054	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/10/2005	Nữ	9,2	9,0	9,1				
11	110323055	Thạch Thị Minh	Thư	30/11/2005	Nữ	9,6	9,0	9,3				1, 785, 000
12	110323057	Nguyễn Minh	Tiến	25/11/2005	Nam	9,6	9,3	9,5				
13	110323058	Lê Thị Mộng	Trà	08/08/2005	Nữ	9,6	9,8	9,7				
14	110323059	Lê Thị Thùy	Trang	17/12/2003	Nữ	8,9	8,6	8,8				1, 500, 000
15	110323060	Lý Thị Thu	Trang	28/04/2005	Nữ	8,9	8,1	8,5				1, 785, 000
16	110323062	Lê Thị Ngọc	Tuyền	20/11/2005	Nữ	9,2	9,1	9,2				1, 785, 000
17	110323063	Võ Nguyễn Thanh	Tuyền	28/08/2004	Nữ	9,2	9,5	9,4				
18	110323064	Nguyễn Mạnh	Tường	22/11/2004	Nam	8,9	8,4	8,7				
19	110323070	Lâm Thị Huỳnh	Như	18/12/2005	Nữ	9,2	9,0	9,1				
20	110323072	Nguyễn Trọng	Phú	12/02/2005	Nam	9,4	8,6	9,0				1, 785, 000
21	110323073	Phạm Văn	Nhựt	01/02/2005	Nam	9,0	8,5	8,8				1, 785, 000
22	110323074	Thạch Thị Hồng Như	Hoa	15/10/2005	Nữ	9,2	9,4	9,3				1, 785, 000
23	110323075	Trần Khánh	Hưng	09/04/2004	Nam	9,6	9,4	9,5				1, 785, 000
24	110323076	Trần Quốc	Huy	17/12/2005	Nam	9,4	9,3	9,4				1, 785, 000
25	110323078	Võ Tấn	Đạt	25/03/2005	Nam	8,9	9,8	9,4				1, 785, 000

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 25

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 0

Tổng số tờ: 0

Vĩnh Long, Ngày 10 tháng 7 năm 2026

Cán bộ ghi điểm: Lê Hồng Nhựt

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Kim Hường

Cán bộ coi thi 2: Hồ Thanh Nam

Cán bộ kiểm tra:

Trường/Khoa: NNTS

Đơn vị: BMTS

ĐGMH_BM 2

Danh Sách Ghi Điểm Quá Trình

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần: Kỹ thuật sản xuất giống cá (350024)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSB

Ngày in danh sách: Ngày 26 tháng 06 năm 2026

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Phái	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Đối tượng SV	Ghi chú
						Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3		
1	110323037	Nguyễn Ngọc	Nhi	20/08/2005	Nữ	9,2	9,7	9,8	9,6					
2	110323039	Cao Huỳnh	Như	01/04/2005	Nữ	9,3	9,7	9,8	9,6					
3	110323043	Bùi Phi	Phàm	22/02/2005	Nam	8,7	9,3	8,0	8,7					
4	110323044	Đặng Văn	Phải	19/06/2005	Nam	9,4	9,7	9,8	9,6					1,785,000
5	110323045	Trần Hữu	Phước	01/11/2004	Nam	8,7	9,3	8,0	8,7					
6	110323047	Nguyễn Văn	Quy	08/04/2005	Nam	7,3	9,3	8,0	8,2					
7	110323048	Sơn Thị Mỹ	Quyên	03/10/2005	Nữ	7,7	9,3	8,0	8,3					
8	110323051	Nguyễn Văn	Thắng	09/08/2005	Nam	8,8	9,3	9,8	9,3					
9	110323052	Lê Thị Thu	Thảo	11/03/2005	Nữ	9,2	9,7	9,8	9,5					
10	110323054	Nguyễn Thị Anh	Thư	28/10/2005	Nữ	9,3	9,4	8,8	9,2					
11	110323055	Thạch Thị Minh	Thư	30/11/2005	Nữ	9,3	9,7	9,8	9,6					1,785,000
12	110323057	Nguyễn Minh	Tiến	25/11/2005	Nam	9,2	9,7	9,8	9,6					
13	110323058	Lê Thị Mộng	Trà	08/08/2005	Nữ	9,2	9,7	9,8	9,6					
14	110323059	Lê Thị Thùy	Trang	17/12/2003	Nữ	9,3	9,3	8,0	8,9					1,500,000
15	110323060	Lý Thị Thu	Trang	28/04/2005	Nữ	9,3	9,3	8,0	8,9					1,785,000
16	110323062	Lê Thị Ngọc	Tuyền	20/11/2005	Nữ	9,4	9,4	8,8	9,2					1,785,000
17	110323063	Võ Nguyễn Thanh	Tuyền	28/08/2004	Nữ	9,3	9,4	8,8	9,2					
18	110323064	Nguyễn Mạnh	Tường	22/11/2004	Nam	9,3	9,3	8,0	8,9					
19	110323070	Lâm Thị Huỳnh	Như	18/12/2005	Nữ	9,3	9,4	8,8	9,2					
20	110323072	Nguyễn Trọng	Phú	12/02/2005	Nam	8,8	9,7	9,8	9,4					1,785,000
21	110323073	Phạm Văn	Nhựt	01/02/2005	Nam	8,8	9,4	8,8	9,0					1,785,000
22	110323074	Thạch Thị Hồng Như	Hoa	15/10/2005	Nữ	9,3	9,4	8,8	9,2					1,785,000
23	110323075	Trần Khánh	Hưng	09/04/2004	Nam	9,2	9,7	9,8	9,6					1,785,000
24	110323076	Trần Quốc	Huy	17/12/2005	Nam	8,8	9,7	9,8	9,4					1,785,000
25	110323078	Võ Tấn	Đạt	25/03/2005	Nam	9,3	9,3	8,0	8,9					1,785,000

Trường/Khoa: NNTS

Đơn vị: BNTS

ĐGMH_BM 2

Danh Sách Ghi Điểm Quá Trình

Học kỳ 2 - Năm học 2025 - 2026

Học phần: Kỹ thuật sản xuất giống cá (350024)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (02 -)/DA23TSB

Ngày in danh sách: Ngày 26 tháng 06 năm 2026

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Điểm			Điểm TBQT	Ký tên			Đối tượng SV	Ghi chú
					Lần 1	Lần 2	Lần 3		Lần 1	Lần 2	Lần 3		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 25

Hình thức đánh giá quá trình lần 1: các bài tự ngắn + Báo cáo seminar

Hình thức đánh giá quá trình lần 2: các bài phức tính TH và tập huấn kỹ SXG cá

Hình thức đánh giá quá trình lần 3: Báo cáo TH

Vĩnh Long, Ngày 30 tháng 6 năm 2026

Cán bộ giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)

Huỳnh Kim Hiếu